

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 9****MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 10****BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC****Thời gian làm bài: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (6đ)***Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới***ĐỀ ĐẤT** (Trích Đề đất đề nước – sử thi Mường)

**Tóm tắt:** Thuở ấy, khi đất còn pạc lạc (xơ xác, rời rạc), nước còn pời lờ (bùng nhùng), trời còn puồng luồng (mung lung), bỗng “mưa dầm mưa dãi, nước ngập bao la núi đồi, 50 ngày nước mới rút, tự nhiên mọc lên một cây xanh có 90 cành, có một cành chọc trời, biến thành ông Thu Tha, bà Thu Thiên. Hai thần truyền lệnh làm ra đất, trời và muôn vật. Nhưng sau đó, trời nắng dữ dội 12 năm liền làm cho xơ xác. Thần Pồng Pêu ao ước có một trận mưa lớn. Tức thì mưa to gió lớn chín mươi ngày đêm, nước ngập bao la. Bảy tháng sau, nước rút. Tiếp đó là quá trình hình thành vũ trụ, con người, xây dựng bản Mường và sáng tạo văn hoá của đồng bào Mường ở buổi sơ khai.

Tác phẩm gồm nhiều rần/rằng (đoạn), kể lại quá trình hình thành vũ trụ, hình thành con người. Phần được trích dẫn dưới đây là một trong hai rần mở đầu của tác phẩm. Đề đất và Đề nước vốn là tên của hai rần song “trong ý niệm của người Việt – Mường thì Đất – Nước còn mang ý nghĩa Tổ quốc, giống nòi, địa vực cư trú, nên tên của hai rần này được dùng làm tên chung cho tác phẩm”.

**ĐỀ ĐẤT**

Muốn ăn cơm phải tìm giống gieo mạ

Muốn ăn cá phải tát suối, tát ao

Muốn biết vì sao có đất đỏ, đất nâu

Phải bảo nhau ngồi nghe chuyện kể

Ngày xưa ngày ấy

Trông trời, trời bao la rộng rãi

Trông đất, đất vắng vẻ trông không

Đồn rằng: Có một năm mưa dầm mưa dãi

Nước vượt khỏi đò U

Nước dâng tràn đò Bái

Năm mươi ngày nước rút

Bảy mươi ngày nước xuôi

Mọc lên một cây xanh xanh

Có chín mươi cành

Cây chọc lên trời, lá xanh biết cựa

Thân trên mặt đất, thân cây biết rung

Trong tán trong cành có tiếng đàn bà con gái

Cành chọc trời là con đầu

Tên gọi ông Thu Tha

Cành bưng xung là con thứ hai

Tên gọi bà Thu Thiên

Hai ông bà nên đôi nên lứa

Truyền cho:

Con gà có cựa

Dây dưa biết leo

Tre pheo có gai, có ngọn

Con người biết nói

[...]

Khi đó dưới đất không còn rời rạc

Dưới nước không còn bùng nhùng

Trời không mung lung

Trông lên ngó xuống đã có nơi có chốn

Đã có

Lối đi xuống

Luồng muốn dậy đã có ngãnh

Cau muốn dậy đã có mo ne

Dây củ mài muốn dây leo vắt vẻo

Dây sắn muốn dây néo buộc

Đã có nơi néo buộc

Con thác muốn dây đã có con sao

Con sao muốn dây, đã có trời sáng

Con nhà người muốn dây, đã có em có anh

Đạo làm vua không tranh

Đạo làm người không cướp

Vua đã yêu, chúa đã chuộng

Đã có người vụng người tài

Đã có người trai người gái

Đôi bãi đã có thú to

Rừng thưa đã có chim nhỏ

Dưới nước

Đã đẻ con cá, con tôm

Đầu hôm đã sinh con rùa

Tối ngày đã sinh con rái

Dưới đất,

Cái gì cũng có

Gió ầm ầm đã nghe

Mưa le re đã thấy

Thứ nào muốn dậy đều nên thân nên hình

Đất đã có

Đất rộng thênh thang

Chuyện chưa kể nên một gang

Chuyện chưa kể sang một lẽ

Người già người trẻ

Lại nghe chuyện đến chuyện đi

Lại nghe chuyện xưa chuyện cũ

Người ở sướng, ăn ngon

Cũng có đũa khôn, thằng đại

Người khôn nghe kể lại

Thằng đại nghe vội nghe vàng

Phải chờ nghe thêm

Chuyện để nước.

(Văn học dân gian, Tác phẩm dùng trong nhà trường, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2006)

**Câu hỏi**

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc tiểu/thể loại nào?

- A. Sử thi.
- B. Thần thoại.
- C. Truyện thơ,
- D. Truyện thơ Nôm khuyết danh

**Câu 2:** Đề tài của văn bản là:

- A. Sự hình thành của vũ trụ, trời đất.
- B. Sự hình thành các vị thần và muôn loài.
- C. Công cuộc “đẻ đất” và sự hình thành muôn vật, con người, cuộc sống.
- D. Công cuộc “đẻ đất, đẻ nước”.

**Câu 3:** Dòng nào nói đúng nội dung trong văn bản?

- A. Thần thánh hóa tự nhiên và các anh hùng bộ lạc.
- B. Lý tưởng hóa, huyền thoại hóa thần linh và hiện tượng tự nhiên.
- C. Thần linh hóa các hiện tượng tự nhiên và xã hội.
- D. Thần thánh hóa và mỹ hóa các hiện tượng tự nhiên và xã hội.

**Câu 4:** Nhân vật trung tâm ở văn bản trên là ai? Thể hiện đặc trưng nào của sử thi

- A. Ông Thu Tha, bà Thu Thiên. Thể hiện vai trò sáng lập thế giới của thần linh
- B. Muôn vật và con người. Thể hiện cuộc chinh phục tự nhiên và xã hội.

C. Con người, vạn vật... Thể hiện khao khát khám phá thế giới của con người.

D. Ông Thu Tha, bà Thu Thiên. Thể hiện vai trò sáng lập thế giới.

**Câu 5:** Hình ảnh cây xanh đầu tiên mọc “Thân trên mặt đất, thân cây biết rung

Trong tán trong cành có tiếng đàn bà con gái?” thể hiện ý nghĩa gì?

A. Nguồn gốc muôn loài bắt nguồn từ cây xanh và con người.

B. Nguồn gốc muôn loài là từ cây xanh (mọc từ đất) và liên quan đến người mẹ

C. Cây cối là nguồn gốc tạo ra vạn vật, con người.

D. Cây cối và con người được xuất hiện đầu tiên trong vũ trụ.

**Câu 6:** Cốt truyện, sự việc của văn bản mang đặc điểm gì nổi bật của sử thi?

A. Xoay quanh sự ra đời của “đất, nước” và công cuộc hình thành muôn loài của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).

B. Quá trình chinh phục thế giới tự nhiên và khát vọng, ý chí của con người.

C. Xoay quanh sự ra đời của “đất” và công cuộc hình thành muôn loài, sáng tạo giá trị văn hóa của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).

D. Xoay quanh sự ra đời của “đất, nước” (thế giới tự nhiên) và công cuộc hình thành muôn loài của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).

**Câu 7:** Việc ông bà Thu Tha, Thu Thiên xuất hiện đầu tiên, là người sáng tạo ra con người, cuộc sống thể hiện nhận thức, mong muốn gì của người Mường cổ?

A. Con người được sinh ra từ thần linh, tạo ra cuộc đẻ đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

B. Con người được sinh ra từ một cặp vợ chồng và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

C. Con người tạo ra cuộc đê đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

D. Con người được sinh ra từ cây xanh mọc trên đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

**Câu 8:** Dòng nào dưới đây KHÔNG miêu tả sự thay đổi cuộc sống sau cuộc “đê đất”

A. Con thác muốn dậy đã có con sao/ Con sao muốn dậy, đã có trời sáng.

B. Tre pheo có gai, có ngọn /Con người biết nói.

C. Đã có người vụng người tài/Đã có người trai người gái.

D. Trông trời, trời bao la rộng rãi/Trông đất, đất vắng vẻ trống không.

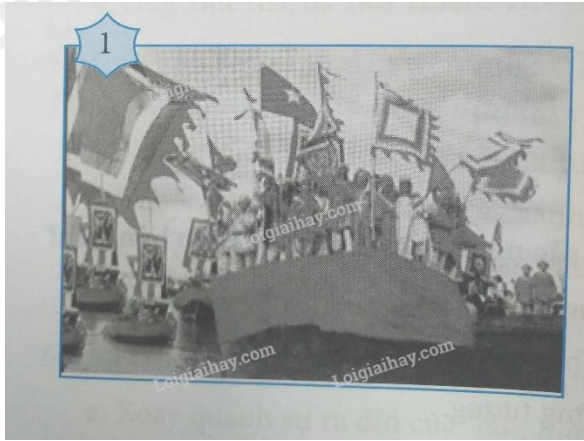
**Câu 9:** Theo em, quan niệm “đê đất” của văn bản đề góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề chung của tác phẩm “Đê đất đê nước” như thế nào? (1đ)

**Câu 10:** Những quan niệm và khát vọng về cộng đồng của người Mường cổ còn phù hợp cuộc sống hiện đại ngày nay không? Lý giải rõ bằng dẫn chứng từ văn bản (trả lời từ 6-8 dòng) (1đ)

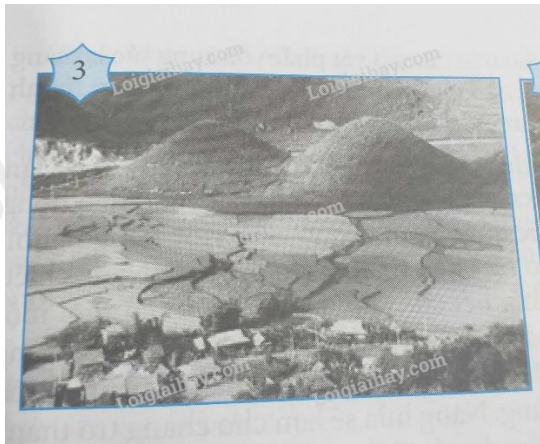
## II. VIẾT

Quan sát các bức ảnh sau và trả lời câu a, b





Hình ảnh: Internet



Hình ảnh: Internet

a. Lựa chọn một bức ảnh mà theo em có sự tương đồng với chủ đề của văn bản đọc, lý giải rõ sự lựa chọn đó. Viết một chú thích cho bức ảnh ấy (6-8 dòng) (2đ)

b. Hãy viết bài luận giới thiệu về bản thân để ứng tuyển vào vị trí Trưởng ban truyền thông của Chương trình Những làn gió Tây Bắc (thuộc chương trình quảng bá giá trị văn hóa nghệ thuật của các tỉnh miền núi phía Bắc) (dài từ 1,5 - 2 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

**Đáp án đề 9****Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1(0.25đ)	Câu 2 (0.25đ)	Câu 3(0.25đ)	Câu 4(0.25đ)	Câu 5(0.25đ)	Câu 6(0.25đ)	Câu 7(0.25đ)	Câu 8(0,25đ)
A	C	D	A	B	C	A	D

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc tiêu/thể loại nào?

- A. Sử thi.
- B. Thần thoại.
- C. Truyện thơ,
- D. Truyện thơ Nôm khuyết danh

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản, nhớ lại kiến thức về thể loại

**Lời giải chi tiết:**

Thể loại của văn bản: Sử thi

→ Đáp án A

**Câu 2:** Đề tài của văn bản là:

- A. Sự hình thành của vũ trụ, trời đất.

- B. Sự hình thành các vị thần và muôn loài.
- C. Công cuộc “đẻ đất” và sự hình thành muôn vật, con người, cuộc sống.
- D. Công cuộc “đẻ đất, đẻ nước”.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản

**Lời giải chi tiết:**

Đề tài của văn bản là: Công cuộc “đẻ đất” và sự hình thành muôn vật, con người, cuộc sống.

→ Đáp án C

**Câu 3:** Dòng nào nói đúng nội dung trong văn bản?

- A. Thần thánh hóa tự nhiên và các anh hùng bộ lạc.
- B. Lý tưởng hóa, huyền thoại hóa thần linh và hiện tượng tự nhiên.
- C. Thần linh hóa các hiện tượng tự nhiên và xã hội.
- D. Thần thánh hóa và mỹ hóa các hiện tượng tự nhiên và xã hội.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản và rút ra kết luận về nội dung chính

**Lời giải chi tiết:**

Nội dung văn bản: Thần thánh hóa và mỹ hóa các hiện tượng tự nhiên và xã hội

→ Đáp án D

**Câu 4:** Nhân vật trung tâm ở văn bản trên là ai? Thể hiện đặc trưng nào của sử thi

- A. Ông Thu Tha, bà Thu Thiên. Thể hiện vai trò sáng lập thế giới của thần linh
- B. Muôn vật và con người. Thể hiện cuộc chinh phục tự nhiên và xã hội.
- C. Con người, vạn vật... Thể hiện khao khát khám phá thế giới của con người.
- D. Ông Thu Tha, bà Thu Thiên. Thể hiện vai trò sáng lập thế giới.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản

Nhớ lại các đặc trưng của sử thi

**Lời giải chi tiết:**

Nhân vật chính trong văn bản: Ông Thu Tha, bà Thu Thiên, thể hiện vai trò sáng lập thế giới của thần linh

→ Đáp án A

**Câu 5:** Hình ảnh cây xanh đầu tiên mọc “Thân trên mặt đất, thân cây biết rung

Trong tán trong cành có tiếng đàn bà con gái?” thể hiện ý nghĩa gì?

- A. Nguồn gốc muôn loài bắt nguồn từ cây xanh và con người.
- B. Nguồn gốc muôn loài là từ cây xanh (mọc từ đất) và liên quan đến người mẹ
- C. Cây cối là nguồn gốc tạo ra vạn vật, con người.
- D. Cây cối và con người được xuất hiện đầu tiên trong vũ trụ.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ 2 câu thơ và toàn bài

**Lời giải chi tiết:**

Ý nghĩa: Nguồn gốc muôn loài là từ cây xanh (mọc từ đất) và liên quan đến người mẹ

→ Đáp án B

**Câu 6:** Cốt truyện, sự việc của văn bản mang đặc điểm gì nổi bật của sử thi?

- A. Xoay quanh sự ra đời của “đất, nước” và công cuộc hình thành muôn loài của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).
- B. Quá trình chinh phục thế giới tự nhiên và khát vọng, ý chí của con người.
- C. Xoay quanh sự ra đời của “đất” và công cuộc hình thành muôn loài, sáng tạo giá trị văn hóa của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).
- D. Xoay quanh sự ra đời của “đất, nước” (thế giới tự nhiên) và công cuộc hình thành muôn loài của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản

Nhớ lại đặc điểm của sử thi

**Lời giải chi tiết:**

Cốt truyện, sự việc xoay quanh sự ra đời của “đất” và công cuộc hình thành muôn loài, sáng tạo giá trị văn hóa của các vị thần linh (ông Thu Tha, bà Thu Thiên).

→ Đáp án C

**Câu 7:** Việc ông bà Thu Tha, Thu Thiên xuất hiện đầu tiên, là người sáng tạo ra con người, cuộc sống thể hiện nhận thức, mong muốn gì của người Mường cổ?

- A. Con người được sinh ra từ thần linh, tạo ra cuộc đẻ đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.
- B. Con người được sinh ra từ một cặp vợ chồng và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.
- C. Con người tạo ra cuộc đẻ đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.
- D. Con người được sinh ra từ cây xanh mọc trên đất và mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản và rút ra kết luận về nhận thức, mong muốn của người Mường cổ

**Lời giải chi tiết:**

Nhận thức: Con người được sinh ra từ thần linh, thần linh tạo ra cuộc đẻ đất

Mong muốn: Mong muốn nhận được sự phù trợ, giúp đỡ của các vị thần.

→ Đáp án A

**Câu 8:** Dòng nào dưới đây KHÔNG miêu tả sự thay đổi cuộc sống sau cuộc “đề đất”

- A. Con thác muốn dậy đã có con sao/ Con sao muốn dậy, đã có trời sáng.
- B. Tre pheo có gai, có ngọn /Con người biết nói.
- C. Đã có người vụng người tài/Đã có người trai người gái.
- D. Trông trời, trời bao la rộng rãi/Trông đất, đất vắng vẻ trống không.

**Phương pháp giải:**

Đọc kỹ văn bản

Phương pháp loại trừ

**Lời giải chi tiết:**

Dòng KHÔNG miêu tả sự thay đổi cuộc sống sau cuộc “đề đất”: Trông trời, trời bao la rộng rãi/Trông đất, đất vắng vẻ trống không (dòng trên miêu tả cuộc sống trước cuộc đề đất)

→ Đáp án D

**Câu 9:** Theo em, quan niệm “đề đất” của văn bản để góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề chung của tác phẩm “Đề đất đề nước” như thế nào? (1đ)

**Phương pháp giải:**

HS dựa vào quan điểm của bản thân

**Lời giải chi tiết:**

- Quan niệm “đẻ đất” của văn bản: Sự hình thành của đất (yếu tố tự nhiên), làm nền tảng cho sự sống con người, muôn vật và hình thành giá trị văn hóa đời sống bản mường, cộng đồng

- Chủ đề của “đẻ đất đẻ nước”: Giải thích sự hình thành của vũ trụ, tự nhiên, đất nước

- Kết nối các nội dung trên, học sinh nhận xét, liên hệ: “Đẻ đất” là yếu tố đầu tiên, quan trọng để cấu thành các bộ phận văn hóa, lịch sử, địa lí dân tộc, gắn chặt với chủ đề chung văn bản

**Câu 10:** Những quan niệm và khát vọng về cộng đồng của người Mường cổ còn phù hợp cuộc sống hiện đại ngày nay không? Lý giải rõ bằng dẫn chứng từ văn bản (trả lời từ 6-8 dòng) (1đ)

### **Phương pháp giải:**

HS trả lời theo ý kiến của bản thân

### **Lời giải chi tiết:**

- Quan niệm và khát vọng của người Mường cổ trong văn bản “Đẻ đất”: Vũ trụ, muôn loài đều chung một nguồn gốc “vạn vật nhất thể”, khát vọng gắn bó cội nguồn, cộng cảm thiêng liêng của mỗi người dân Mường...

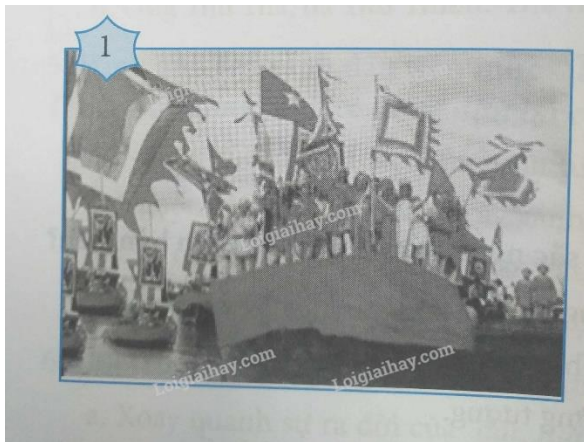
- Liên hệ cuộc sống hiện nay: Đây vẫn là quan niệm đúng đắn, tích cực, thể hiện tính dân tộc, nhân loại sâu sắc, rất cần thiết với bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay

- HS tự lý giải bằng dẫn chứng từ văn bản

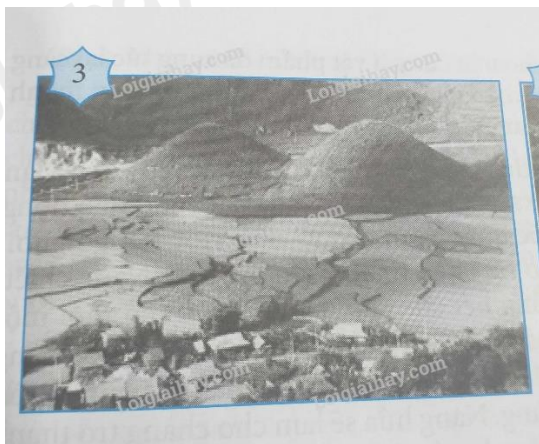
## **II. VIẾT (6đ)**



Quan sát các bức ảnh sau và trả lời câu a, b



Hình ảnh: Internet



Hình ảnh: Internet

a. Lựa chọn một bức ảnh mà theo em có sự tương đồng với chủ đề của văn bản đọc, lý giải rõ sự lựa chọn đó. Viết một chú thích cho bức ảnh ấy (6-8 dòng) (2đ)

b. Hãy viết bài luận giới thiệu về bản thân để ứng tuyển vào vị trí Trưởng ban truyền thông của Chương trình Những làn gió Tây Bắc (thuộc chương trình quảng bá giá trị văn hóa nghệ thuật của các tỉnh miền núi phía Bắc) (dài từ 1,5 - 2 trang) (4đ)

**Phương pháp giải:**

**Lời giải chi tiết:**

a.

- HS lựa chọn theo quan điểm cá nhân, lý giải thuyết phục dựa vào văn bản đọc:

Bức ảnh 1: Thể hiện sinh hoạt văn hóa cộng đồng (lễ hội)

Bức ảnh 2: Thể hiện sự nhân ái, chung tay giúp đỡ cộng đồng

Bức ảnh 3: Vẻ đẹp cảnh sắc, cuộc sống người dân vùng cao, thể hiện nét văn hóa đặc trưng của dân tộc

Bức ảnh 4: Vẻ đẹp của những em bé vùng cao hài hòa với tự nhiên: vẻ đẹp lao động, vẻ đẹp mang đậm bản sắc văn hóa

b.

**II. VIẾT (4đ)****Phương pháp giải:**

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

**Lời giải chi tiết:**

Bài luận về bản thân để ứng tuyển tham gia vị trí trưởng ban truyền thông cho Chương trình Những làn gió Tây Bắc		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Nêu vấn đề của bài viết: mong muốn ứng tuyển... - Khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu của bản thân
Thân bài	2,5	- Giới thiệu khái quát về bản thân (tên, học vấn, vị trí, mong muốn hiện tại) - Năng lực để thực hiện: + Yêu thích, có hiểu biết, trải nghiệm về lịch sử, văn hóa nghệ thuật của các tỉnh miền núi phía Bắc + Chủ động thời gian, dành tâm huyết để tham gia

		<p>+ Khả năng đảm bảo vị trí: có kinh nghiệm về điều hành (minh chứng) kỹ năng CNTT; viết bài truyền thông đa phương thức; kỹ năng xử lý hình ảnh, âm thanh...; kinh nghiệm kết nối đối tượng tham gia, xây dựng ý tưởng...</p> <p>- Cam kết thực hiện các yêu cầu của Chương trình</p> <p>*Lưu ý:</p> <p>- Gắn kết thông tin với các trải nghiệm kinh nghiệm của cá nhân</p> <p>- Dùng yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, phương tiện đa phương thức hỗ trợ</p> <p>- Lần lượt trình bày các luận điểm (dùng lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục)</p> <p>- Bài viết phải thể hiện rõ phát hiện, quan điểm riêng của bạn về vấn đề đang quan tâm: giá trị văn hóa, lịch sử của vùng miền núi phía Bắc</p>
Kết bài	0,5	<p>- Khẳng định nguyện vọng, khả năng hoàn thành công việc</p> <p>- Cảm ơn về sự quan tâm và xét duyệt tham gia của BTC</p>
Yêu cầu khác	0,5	<p>- Bài viết thể hiện rõ đặc trưng thể loại: luận về bản thân</p> <p>- Diễn đạt rõ ý; lập luận logic; suy luận, bình luận phù hợp với văn hóa dân tộc...</p>